Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2925.29.00

Mã HS	2925.29.00
Mô tả hàng hóa	Hợp chất chức carboxyimit (kể cả saccharin và muối của nó) và các hợp chất chức imin / - Imin và các dẫn xuất của chúng; muối của chúng: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	08/11/2026 13:11:59
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29252900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4256
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4256
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4256
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4206
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4167
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4167
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4167
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4167
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4167
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4167
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4205
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4205

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4205
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4205
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4205
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4205
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4209
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4209
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4209
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4209
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4209
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4209
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4209
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4173
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4169
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4169
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4169
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4169
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4169
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4169
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4169
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4169
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4169
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4169
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4169
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4169
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4216
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4216

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4216
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4216
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4216
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4216
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4213
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4213
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4213
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4213
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4213
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4213
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4221
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4221
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4221
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4221
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4221
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4221
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4192
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4192
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4192
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4192
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4192
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4192
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4194
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4194
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4194
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4194

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4194
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4194
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4192
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4192
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4192
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4192
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4192
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4192
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4192
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4213
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4213
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4213
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4213
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4213
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4213
RCEP B	2022	2022	0	B!D4213
RCEP B	2023	2023	0	B!E4213
RCEP B	2024	2024	0	B!F4213
RCEP B	2025	2025	0	B!G4213
RCEP B	2026	2026	0	B!H4213
RCEP B	2027	2027	0	B!I4213
RCEP C	2022	2022	0	C!D4213
RCEP C	2023	2023	0	C!E4213
RCEP C	2024	2024	0	C!F4213
RCEP C	2025	2025	0	C!G4213
RCEP C	2026	2026	0	C!H4213

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4213
RCEP D	2022	2022	0	D!D4213
RCEP D	2023	2023	0	D!E4213
RCEP D	2024	2024	0	D!F4213
RCEP D	2025	2025	0	D!G4213
RCEP D	2026	2026	0	D!H4213
RCEP D	2027	2027	0	D!I4213
RCEP E	2022	2022	0	E!D4216
RCEP E	2023	2023	0	E!E4216
RCEP E	2024	2024	0	E!F4216
RCEP E	2025	2025	0	E!G4216
RCEP E	2026	2026	0	E!H4216
RCEP E	2027	2027	0	E!I4216
RCEP F	2022	2022	0	F!D4213
RCEP F	2023	2023	0	F!E4213
RCEP F	2024	2024	0	F!F4213
RCEP F	2025	2025	0	F!G4213
RCEP F	2026	2026	0	F!H4213
RCEP F	2027	2027	0	F!I4213
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3875
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3875
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3875
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3875

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2925.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2925.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4256), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.